|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ XÂY DỰNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /2015/TT-BXD | *Hà Nội, ngày tháng năm 2015* |

Dự thảo ngày 08/9/2015

**THÔNG TƯ**

**Quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng**

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý hoạt động xây dựng,*

*Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng như sau:*

**CHƯƠNG I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định chi tiết về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, gồm: chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân; chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức; công bố thông tin về năng lực hoạt động xây dựng.

2. Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam; cá nhân, tổ chức Việt Nam tham gia hoạt động xây dựng ở nước ngoài.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. *Cơ quan đầu mối* là Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng;Sở Xây dựng có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo quy định tại Thông tư này.

2. *Hội đồng xétcấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lựchoạt động xây dựng* là tổ chức do thủ trưởng Cơ quan đầu mối hoặc Hội nghề nghiệp quyết định thành lập để giúp thủ trưởng Cơ quan đầu mối hoặc Hội nghề nghiệp xem xét cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lựchoạt động xây dựng theo quy định.

3. *Mã số chứng chỉ hành nghề* là dãy số có 07 chữ số dùng để quản lý chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng. Mã số chứng chỉ hành nghề do Bộ Xây dựng thống nhất cấp và quản lý.Mỗi cá nhân tham gia hoạt động xây dựng khi đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề lần đầu theo quy định của Thông tư này được cấp một mã số chứng chỉ hành nghề. Mã số chứng chỉ hành nghề không thay đổi khi cá nhân đề nghị cấp lại; cấp mới; điều chỉnh hoặc bổ sung chứng chỉ hành nghề đã được cấp.

4. *Mã số chứng chỉ năng lực* là dãy số có 07 chữ số dùng để quản lý chứng chỉ năng lực của tổ chức tham gia hoạt động xây dựng. Mã số chứng chỉ năng lực do Bộ Xây dựng thống nhất cấp và quản lý. Mỗi tổ chức tham gia hoạt động xây dựng khi đề nghị cấp chứng chỉ năng lực lần đầu theo quy định của Thông tư này được cấp một Mã số chứng chỉ năng lực. Mã số chứng chỉ năng lực không thay đổi khi tổ chức đề nghị cập lại; cấp mới; điều chỉnh hoặc bổ sung chứng chỉ năng lực đã được cấp.

5. *Mã số dự thi sát hạch* là dãy số (có thể gồm các ký tự)do Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề xác định cho cá nhân tham gia sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề.

**Điều 3. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**

Cá nhân thuộc đối tượng quy định Khoản 3 Điều 148 Luật Xây dựng năm 2014 khi tham gia hoạt động xây dựng phải có chứng chỉ hành nghềtheo quy định của Thông tư này.

1. Các lĩnh vực hành nghề khảo sát xây dựng gồm:

a) Khảo sát địa hình;

b) Khảo sát địa chất công trình; địa chất thủy văn.

2.Thiết kế quy hoạch xây dựng.

3. Các lĩnh vực hành nghề thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình gồm:

a) Thiết kế kiến trúc công trình; nội ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;

b) Thiết kế kết cấu công trình (dân dụng - công nghiệp; giao thông; nông nghiệp và phát triển nông thôn; hạ tầng kỹ thuật;…);

c) Thiết kế điện, cơ điện công trình;

d) Thiết kế cấp – thoát nước công trình;

đ) Thiết kế cấp nhiệt, thông gió, điều hòa không khí;

e) Thiết kế mạng thông tin trong công trình xây dựng;

g) Thiết kế phòng cháy - chữa cháy;

h) Thiết kế các bộ môn khác.

4. Các lĩnh vực hành nghề giám sát thi công xây dựng gồm:

a) Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình (dân dụng - công nghiệp; giao thông; nông nghiệp và phát triển nông thôn; hạ tầng kỹ thuật;…);

b) Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;

c) Giám sát lắp đặt thiết bị công nghệ.

5.Kiểm định xây dựng (dân dụng - công nghiệp; giao thông; nông nghiệp và phát triển nông thôn; hạ tầng kỹ thuật;…);

6.Quản lý an toàn lao động trong xây dựng.

7.Định giá xây dựng.

8. Chỉ huy trưởng công trường.

9. Giám đốc quản lý dự án.

Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng đối với một hoặc nhiều lĩnh vực khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định.

**Điều 4. Mẫuchứng chỉ hành nghề**

1. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng là loại bìa có màu vàng nhạt, kích thước 15x21cm. Quy cách và nội dung chủ yếu của chứng chỉ hành nghề quy định tại Khoản 4 Điều này, theo mẫu tại Phụ lục số07 Thông tư này.

2. Quản lý sốchứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng:

Sốchứng chỉ hành nghề gồm 03 nhóm ký hiệu, được nối với nhau bằng dấu gạch ngang (-), quy định như sau:

- Nhóm thứ nhất: có 03 ký tự thể hiện nơi tổ chức sát hạch, cấp chứng chỉ được quy định cụ thể tại Phụ lục số 09 Thông tư này;

- Nhóm thứ hai: Mã số chứng chỉhành nghề;

- Nhóm thứ ba: gồm có 4 ký tự ký hiệu theo lĩnh vực được cấp chứng chỉ hành nghề (KSXD: Khảo sát xây dựng, TKQH: thiết kế quy hoạch, TKXD: thiết kế xây dựng; GSTC: giám sát thi công xây dựng; ATLĐ: Quản lý an toàn lao động, KĐXD: kiểm định xây dựng, ĐGXD: định giá xây dựng). Trường hợp cá nhân đề nghị cấp nhiều lĩnh vực hoạt động xây dựng trong cùng một chứng chỉ hành nghề thì nhóm ký hiệu này sẽ gồm các ký hiệu tương ứng với các lĩnh vực đề nghị đó.

3. Nội dung chủ yếu của chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng bao gồm:

a) Thông tin cơ bản về nhân thân của người được cấp chứng chỉ: ảnh cỡ 4x6cm, họ và tên, ngày tháng năm sinh, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.

b) Tên cơ quan cấp, chữ ký và đóng dấu.

c) Trình độ chuyên môn được đào tạo, hệ đào tạo, cơ sở đào tạo.

d) Lĩnh vực hành nghề và hạng của chứng chỉ (ghi rõ các nội dung quy định cá nhân được phép hành nghề).

đ) Thời hạn có giá trị của chứng chỉ, thứ tự số lần cấp chứng chỉ.

e) Các chỉ dẫn khác.

**Điều 5. Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựngcấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I.

2. Sở Xây dựngcấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng IIIđối với cá nhân có trên 30% thời gian tham gia hoạt động xây dựng tại địa phương hoặc có đăng ký cư trú tại địa phương.

*3. Hội nghề nghiệp theo quy định tạiPhụ lục 12 Thông tư này cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân là hội viên của mình khi đáp ứng được các yêu cầu sau:*

*a) Có Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề được thành lập phù hợp với quy định tại Điều 7 Thông tư này.*

*b) Có đầy đủ cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ thi sát hạch như hệ thống máy tính, mạng LAN,...*

*b) Có Quyết định công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề của Bộ Xây dựng.*

4. Trường hợp cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nhiều lĩnh vực với các hạng khác nhau, trong đó có lĩnh vực đề nghị cấp năng lực hạng I thì cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng chủ trì xét cấp và đồng thời xét cấp các lĩnh vực còn lại.

5. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng có hiệu lực trong thời hạn 5năm. Cá nhân có chứng chỉ hành nghề đã hết hạn, nếu có nhu cầu hoạt động xây dựng phải làm thủ tục cấp đổi lại theo quy định của Thông tư này.

**Điều 6. Nguyên tắc xác định chuyên môn phù hợp và thời gian có kinh nghiệm nghề nghiệp xét cấp chứng chỉ hành nghề**

Việc xác định chuyên môn được đào tạo và thời gian kinh nghiệm theo quy định tại Khoản 2 Điều 45 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định 59/CP) để làm cơ sở xét cấp chứng chỉ do Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề xác định và thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Chuyên môn được đào tạo của cá nhân được coi là phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ khi chuyên ngành đào tạo (xác định trên cơ sở nội dung chương trình đào tạo) của cá nhân đó phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

2. Thời gian kinh nghiệm của cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề là tổng thời gian cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chính thức tham gia hoạt động xây dựng thuộc lĩnh vực phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

3. Thời gian kinh nghiệm thực hiện công việc đối với cá nhân đã tham gia công chức nhà nước được tính bằng tổng thời gian mà người đó làm việc trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

**Điều 7. Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề**

1. Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề có số lượng thành viên không quá 07 người.

2. Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề do cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ xây dựng và Sở Xây dựng quyết định thành lập:

a) Tùy thuộc vào lĩnh vực xét cấp chứng chỉ hành nghề, thủ trưởng Cơ quan đầu mối quyết định thành phần, cơ cấu tổ chức và số lượng thành viên của Hội đồng cho phù hợp, trong đó có Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo của Cơ quan đầu mối, Ủy viên thường trực là công chức, viên chức của Cơ quan đầu mối.

b) Các ủy viên khác tham gia Hội đồng là những công chức, viên chức thuộc chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực xem xét cấp chứng chỉ hành nghề của Cơ quan đầu mối và các chuyên gia có trình độ chuyên môn cao thuộc lĩnh vực xét cấp chứng chỉ hành nghềdo Chủ tịch Hội đồng mời.

*2. Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề do Hội nghề nghiệp quyết định thành lập:*

*a) Tùy thuộc vào lĩnh vực xét cấp chứng chỉ hành nghề, người đứng đầu Hội nghề nghiệp quyết định thành phần, cơ cấu tổ chức và số lượng thành viên của Hội đồng cho phù hợp, trong đó có Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo của Hội nghề nghiệp, Ủy viên thường trực là Tổng thư ký của Hội.*

*b) Các ủy viên khác tham gia Hội đồng làthành viên Ban thư ký, ủy viên Ban chấp hành của Hội nghề nghiệp, đại diện Cục Quản lý hoạt động xây dựng thuộc Bộ Xây dựng và đại diện Sở Xây dựng địa phương do Chủ tịch Hội đồng mời.*

3. Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập bộ phận sát hạch để thực hiện nhiệm vụ sát hạch và giúp việc cho Hội đồng. Bộ phận sát hạch gồm có tổ trưởng là thành viên của Hội đồng, các thành viên khác là các công chức, viên chức hoặc thành viên Ban thư ký (đối với Hội nghề nghiệp) của Cơ quan đầu mối. Số lượng thành viên bộ phận sát hạch không quá 03 người.

4. Hội đồng hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm và thực hiện theo Quy chế do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

5. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn về Quy chế hoạt động của Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề và quy chế sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề.

**Điều 8. Hình thức và đề sát hạch**

1. Việc sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề được thực hiện theo hình thức thi trắc nghiệm trực tiếp trên máy tính.

2. Đề sát hạch được lấy ngẫu nhiên trên máy tính từ Bộ đề thi trắc nghiệm gồm các nội dung kiểm tra về kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức pháp luật có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Số lượng câu hỏi và thời gian làm bài thi sát hạch tối đa 45 phút cho mỗi lần thi.

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng chủ trì phối hợp với các tổ chức và chuyên gia xây dựng Bộ đề thi trắc nghiệm; xây dựng và hướng dẫn thực hiện phần mềm, quy chế sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề để thống nhất thực hiện trong phạm vi cả nước.

4. Bộ đề thi trắc nghiệm được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.Cục Quản lý hoạt động xây dựng thuộc Bộ Xây dựng chủ trì tiếp nhận các ý kiến góp ý của các tổ chức cá nhân có liên quan để định kỳ cập nhật, bổ sung hoặc điều chỉnh nội dung bộ đề thi trắc nghiệm.

**Điều 9. Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ**

1. Việc bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phải bám sát chương trình khung về bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ các lĩnh vực liên quan đến nội dung sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành.

2. Các cơ sở đào tạo quy định tại Khoản 1 Điều 68 Nghị định 59/CP, căn cứ chương trình khung do Bộ Xây dựng ban hành để soạn thảo giáo trình phục vụ công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho những cá nhân có nhu cầu.

**Điều 10. Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức**

1. Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng được cấp cho tổ chức đối với các lĩnh vực hoạt động sau đây:

a) Tư vấn lập quy hoạch xây dựng (QHXD);

c) Khảo sát xây dựng (KSXD);

c) Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng (DAĐT);

d) Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng (QLDA);

đ) Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng (TKXD);

e) Giám sát thi công xây dựng (GSXD);

g) Kiểm định xây dựng (KĐXD);

h) Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng (QLCP);

i) Thi công xây dựng công trình (TCXD).

Một tổ chức có thể đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho một hoặc nhiều lĩnh vực, hạng năng lực của từng lĩnh vực tương ứng với điều kiện năng lực của tổ chức đối với lĩnh vực đó theo quy định của Thông tư này.

2. Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng là loại bìa, có màu xanh nhạt, kích thước 21x 29,7cm. Quy cách của chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục số08 Thông tư này, nội dung chủ yếu của chứng chỉ năng lực theo quy định tại Khoản 4 Điều này.

3. Quản lý số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng:

a) Số chứng chỉ bao gồm 03 nhóm ký hiệu như sau:

- Nhóm thứ nhất: có tối đa 03 ký tự thể hiện nơi cấp chứng chỉ được quy định cụ thể tại Phụ lục số 09 Thông tư này.

- Nhóm thứ hai: Mã số chứng chỉ năng lực.

- Nhóm thứ ba: nhóm ký tự ký hiệu theo lĩnh vực hoạt động chính của tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều này.

Các nhóm được nối với nhau bằng dấu gạch ngang (-).

4. Nội dung của chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng bao gồm:

a) Thông tin cơ bản về tổ chức được cấp chứng chỉ: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, các thông tin liên lạc, tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

b) Tên cơ quan cấp, chữ ký và đóng dấu.

c) Lĩnh vực hoạt động và hạng chứng chỉ (Ghi rõ các nội dung quy định tổ chức được phép hoạt động).

đ) Thời hạn có giá trị của chứng chỉ, thứ tự số lần cấp chứng chỉ.

e) Các chỉ dẫn khác.

5. Thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I.

b) Sở Xây dựng cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với tổ chức có trụ sở chính tại địa bàn hành chính thuộc phạm vi quản lý của mình.

c) Trường hợp đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng với nhiều lĩnh vực với hạng khác nhau, trong đó có lĩnh vực đề nghị cấp năng lực hạng I thì tổ chức có thể đề nghị cấp chứng chỉ năng lực cho tất cả các lĩnh vực hoạt động của mình tại cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng.

6. Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng có hiệu lực trong thời hạn 5 năm. Tổ chức có chứng chỉ năng lực đã hết hạn, nếu có nhu cầu hoạt động xây dựng phải làm thủ tục cấp đổi lại theo quy định của Thông tư này.

**Điều 11. Hội đồngxét cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng**

1. Hội đồng xét cấp chứng chỉ năng lực:tùy thuộc vào lĩnh vực xét cấp chứng chỉ năng lực, thủ trưởng Cơ quan đầu mối quyết định thành phần, cơ cấu tổ chức và số lượng thành viên của Hội đồng cho phù hợp, trong đó có Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo của Cơ quan đầu mối, Ủy viên thường trực và các ủy viên khác tham gia Hội đồng là công chức, viên chứctrực thuộcCơ quan đầu mối.

2. Hội đồnghoạt động theo chế độ kiêm nhiệm và thực hiện theo Quy chế do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

**CHƯƠNG II**

**CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

**Điều 12. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**

Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng bao gồm các tài liệu sau:

1. Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục số01 Thông tư này.

2. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về chuyên môn đào tạo liên quan đến nội dung cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Khoản 2 Điều 45 Nghị định 59/CP.

3. Bản khai kinh nghiệm về công tác chuyên môn trong hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục số03 Thông tư này. Bản khai phải có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hoặc Hội nghề nghiệp (nếu là hội viên của Hội nghề nghiệp). Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận.

**Điều 13. Trình tự, thủ tục sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề**

1. Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề gửi 01 bộ hồ sơ kèm theo 02 ảnh màu, nền trắng cỡ 4x6cm theo quy định tại Điều 12 Thông tư này tới Cơ quan đầu mối hoặc Hội nghề nghiệp theo quy định.

2. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, bộ phận sát hạch có trách nhiệm kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ trước khi trình Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề xem xét quyết định. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, Bộ phận sát hạch báo cáo Chủ tịch Hội đồng để thông báo một lần tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ về yêu cầu bổ sung hồ sơ hoặc tổ chức phúc tra (nếu cần).

3. Thời gian tổ chức sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề:

a) Chứng chỉ hạng I: trong thời giankhông quá 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủđiều kiện để tổ chức sát hạch theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này, Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm tổ chứcsát hạch và cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định.

b) Chứng chỉ hành nghề hạng II và III: trong thời giankhông quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện để tổ chức sát hạch theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này, Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm tổ chức sát hạch và cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định.

Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng quyết định xét duyệt cấp chứng chỉ hành nghề, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị cấp số chứng chỉ kèm theo kết quả sát hạch theo mẫu tại Phụ lục số 10 Thông tư này tới Cục Quản lý hoạt động xây dựng thuộc Bộ Xây dựng để phát hành số chứng chỉ. Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cục Quản lý hoạt động xây dựng có trách nhiệm phát hành số chứng chỉ hành nghề, đồng thời thực hiện việc tích hợp thông tin để quản lý chứng chỉ hành nghề đã cấp.

4. Quy trình tổ chức sát hạch:

a) Việc tổ chức sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề được tiến hành theo khu vực hoặc địa phương. Tùy thuộc vào số lượng hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề mà Chủ tịch Hội đồng quyết định về thời gian và địa điểm tổ chức sát hạch.

b) Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc qua thư điện tửvề thời gian, địa điểm tổ chức và Mã số dự thisát hạch đến từng cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề ít nhất 05 ngày trước ngày tổ chức sát hạch.

c) Mỗi cá nhân tham gia sát hạch được cấp một đề thi sát hạch được lựa chọn ngẫu nhiên trong bộ đề thi do Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng thống nhất phát hành theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

d) Kết thúc mỗi kỳ thi sát hạch, Bộ phận sát hạch có trách nhiệm tổng hợp kết quả sát hạch, báo cáo Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề xem xét quyết định.

5. Chủ tịch Hội đồng quyết định cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định, được đa số thành viên của Hội đồng nhất trí và không có ý kiến phản đối liên quan đến việc Hội đồng cần phúc tra, làm rõ về năng lực. Trường hợp Hội đồng không đồng ý cấp chứng chỉ ở lĩnh vực nào cho cá nhân đề nghị, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cá nhân đó, trong đó nêu rõ lý do từ chối cấp.

6. Việc thu và sử dụng chi phí sát hạch thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng; lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính. Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ phải hoàn thành nghĩa vụ nộp chi phí sát hạch khi nộp hồ sơ đăng ký, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề trước khi Hội đồng tổ chức xét cấp; chi phí và lệ phí không được hoàn trả trong trường hợp Hội đồng không đồng ý cấp chứng chỉ.

**Điều 14. Trình độ chuyên môn và thời gian kinh nghiệm**

Trình độ chuyên môn được đào tạo, thời gian và kinh nghiệm hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân do Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề xem xét để làm cơ sở cấp chứng chỉ theo nguyên tắc quy định tại Điều 5 Thông tư này, cụ thể như sau:

1. Đối với lĩnh vực hành nghề khảo sát xây dựng:

a) Khảo sát địa hình:cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành địa chất; trắc địa hoặc chuyên ngành xây dựng (dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi,…), nếu có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc làm chủ nhiệm khảo sát địa hình của công trình loại nào theo quy địnhtại Khoản 2 Điều 45 Nghị định 59/CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình của công trình loại đó.

b) Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình: cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạothuộc chuyên ngành địa chất; trắc địa hoặc chuyên ngành xây dựng (dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi,…), nếu có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc làm chủ nhiệm khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình theo quy định tại Khoản 2 Điều 45 Nghị định 59/CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình.

2. Đối với lĩnh vực hành nghề quy hoạch xây dựng:

Cá nhân có trình độ đại học thuộc chuyên ngành kiến trúc; quy hoạch xây dựng hoặc chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của đồ án quy hoạch, có đủ thời gianvà kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc chủ trì thực hiện thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Nghị định 59/CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng.

3. Đối với lĩnh vực thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng:

a) Thiết kế kiến trúc công trình:

Cá nhân có trình độ chuyên mônđược đào tạo thuộc chuyên ngành về kiến trúc, nếu có đủ thời gianvà kinh nghiệm thực tế tham gia; chủ trì thiết kế; chủ trì thẩm định; thẩm tra thiết kếkiến trúc công trình theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế kiến trúc công trình.

b) Thiết kế nội-ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan:

Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành về kiến trúc; nội – ngoại thất ***hoặc mỹ thuật***,có đủ thời gian kinh nghiệm theo quy định tại Khoản 2 Điều 45 Nghị định 59/CP, đã tham gia;chủ trì thiết kế; chủ trì thẩm định; thẩm tra thiết kế nội thất - ngoại thất công trình hoặc thiết kế cảnh quan theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế nội thất - ngoại thất công trình hoặc thiết kế cảnh quan.

c) Thiết kế kết cấu công trình:

Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, nếu có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia; chủ nhiệm; chủ trì hoặc thẩm tra thiết kế của đồ án thiết kế xây dựng công trình loại nào theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu công trình loại đó.

d) Đối với các cá nhân có trình độ chuyên môn đượcđào tạo thuộc các chuyên ngành khác có liên quan đến thiết kế các hệ thống kỹ thuật công trình (như cấp, thoát nước; cơ, cơ điện công trình; cấp nhiệt; thông gió, điều hòa không khí; mạng thông tin trong công trình xây dựng; phòng cháy - chữa cháy): nội dung được phép hành nghề phải phù hợp với chuyên ngành được đào tạo, căn cứ theo thời gian và kinh nghiệm thực tế mà cá nhân đó đã tham gia thực hiện thiết kế.

4. Đối với lĩnh vực hành nghề giám sát thi công xây dựng:

a) Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện: cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình (dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi,…), nếu có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế trực tiếp giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình loại nào theo quy định tại Khoản 2 Điều 49 Nghị định 59/CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình loại đó.

b) Đối với các lĩnh vực hành nghề giám sát “lắp đặt thiết bị công trình” và “lắp đặt thiết bị công nghệ” chỉ cấp cho cá nhân thuộc chuyên ngành (như hệ thống kỹ thuật trong công trình, điện, cơ khí, cấp nhiệt, thông gió, điều hòa không khí, thông tin liên lạc, phòng cháy – chữa cháy) nếu cá nhân đó đã có đủ thời gian và kinh nghiệm tham gia giám sát các công việc thuộc các chuyên ngành này thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề với nội dung giám sát “lắp đặt thiết bị công trình” hoặc “lắp đặt thiết bị công nghệ” hoặc cả hai nội dung này.

5.Đối với lĩnh vực hành nghề kiểm định xây dựng:

a) Cá nhân có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hoặc chứng chỉ thiết kế xây dựng thuộc lĩnh vực thiết kế kết cấu công trình thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng tương ứng với hạng và loại công trình phù hợp với hạng theo quy định.

b) Đối với cá nhân chưa có chứng chỉ hành nghề giám sát hoặc thiết kế xây dựng:cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình (dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, giao thông, thủy lợi,…), nếu có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế làmchủ trì kiểm định; chủ trì thiết kế hoặc đã trực tiếp giám sát thi công xây dựng công trình loại nào theo quy định tại Khoản 1 Điều 50 Nghị định 59/CP thì được phép đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề kiểm định công trình loại đó theo quy định.

6. Đối với lĩnh vực hành nghề quản lý an toàn lao động trong xây dựng:

Cá nhân có trình độchuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựngcông trình hoặc chuyên ngành an toàn lao độngcó tổng thời gian kinh nghiệm và đã trực tiếp tham gia thi công xây dựng công trình hoặc thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về an toàn lao động trên công trường xây dựng thì được coi là đủ điều kiện để tham gia sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề quản lý an toàn lao động trong xây dựng với hạng phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Nghị định 59/CP.

7. Đối với lĩnh vực hành nghề định giá xây dựng:

Cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành kinh tế; kinh tế - kỹ thuật; kỹ thuật và có thời gian, kinh nghiệm thực hiện các công việc có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Khoản 2 Điều 52 Nghị định 59/CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng.

8. Đối với các lĩnh vực hành nghề chỉ huy trưởng công trường:

a) Cá nhân có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công và hoàn thiện công trình xây dựng hoặc cá nhân là kỹ sư xây dựng công trình đã có chứng chỉ hành nghề an toàn lao động trong xây dựng, nếu đã đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường của công trình loại nào theo quy định tại Khoản 1 Điều 53 Nghị định 59/CPthì được cấp chứng chỉ hành nghề chỉ huy trưởng công trường tương ứng với hạng và loại công trình đó phù hợp với hạng tương ứng theo quy định.

b) Đối với cá nhân chưa có chứng chỉ hành nghề giám sát hoặc an toàn lao động: có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình (dân dụng - công nghiệp,giao thông, thủy lợi,…), nếu có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế làm chỉ huy trưởng công trường thi công xây dựng công trình loại nào theo quy định tại Khoản 1 Điều 53 Nghị định 59/CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề chỉ huy trưởng công trường của công trình loại đó theo quy định.

9.Đối với lĩnh vực quản lý dự án:

Cá nhân đảm nhận chức danh Giám đốc quản lý dự án phải có chứng chỉ hành nghề Giám đốc quản lý dự án. Cá nhân đứng đầu bộ phận phụ trách lĩnh vực chuyên môn của Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực, ban quản lý dự án một dự án và tổ chức tư vấn quản lý dự án phải có chứng chỉ hành nghề phù hợp. Quy định cụ thể như sau:

a) Chứng chỉ hành nghề Giám đốc quản lý dự án: cá nhân có chứng chỉ hành nghề thiết kế kiến trúc; thiết kế kết cấu công trình hoặc chứng chỉ hành nghề giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện, *đã có chứng nhận nghiệp vụ về quản lý dự án,*nếu đã đảm nhận chức danh Giám đốc quản lý dự án xây dựng công trình loại nào theo quy định tại Khoản 2 Điều 54 Nghị định 59/CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề Giám đốc quản lý dự án công trìnhloại đó và phù hợp với hạng tương ứng theo quy định.

Đối với cá nhân chưa có chứng chỉ hành nghề thiết kế hoặc giám sát thi công xây dựng: có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình (dân dụng - công nghiệp, giao thông, thủy lợi,…), nếu có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế làm Giám đốc quản lý dự án xây dựng công trình loại nào theo quy định tại Khoản 2 Điều 54 Nghị định 59/CP và *đã có chứng nhận nghiệp vụ về quản lý dự án*thì được xét cấp hành nghề giám đốc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình loại đó theo quy định của Thông tư này.

b) Cá nhân đứng đầu bộ phận phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề phù hợp, gồm:

- Đối với lĩnh vực chuyên môn về quản lý kỹ thuật, thi công, chất lượng và an toàn phải có chứng chỉ hành nghề về thiết kế; giám sát thi công; an toàn lao động; chỉ huy trưởng công trường; kiểm định xây dựng hoặc Giám đốc quản lý dự án có hạng và loại công trình phù hợp với dự án mà cá nhân đó được giao phụ trách.

- Đối với lĩnh vực thanh quyết toán chi phí xây dựng, kế hoạch tiến độ phải có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hoặc Giám đốc quản lý dự án.

**Điều 15. Cấp lại hoặc bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề**

1. Chứng chỉ hành nghề được cấp lại hoặc bổ sung nội dung trong các trường hợp sau:

a) Chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng.

b) Bổ sung nội dung hành nghề.

c) Chứng chỉ cũ bị rách, nát.

d) Chứng chỉ bị thất lạc.

đ) Chứng chỉ bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đã hết hạn thu hồi.

2.Điều kiện để cấp lại chứng chỉ hành nghề:

a) Có đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục số02 Thông tư này nộp tại cơ quan đã cấp chứng chỉ.

b) Có chứng chỉ cũ (đối với trường hợp chứng chỉ cũ bị rách, nát hoặc đề nghị cấp bổ sung nội dung hành nghề hoặc chứng chỉ cũ đã hết hạn sử dụng).

c) Có bản sao các văn bằng, chứng chỉ và bản khai kinh nghiệm liên quan đến nội dung đề nghị bổ sung lĩnh vực hoạt động (đối với trường hợp đề nghị bổ sung nội dung hành nghề).

d) Không vi phạm các quy định trong hoạt động xây dựng và pháp luật có liên quan.

3. Trình tự thủ tục xét cấp lại hoặc bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề:

a) Đối với trường hợp theo quy định tại Điểm a và b Khoản 1 Điều này: trình tự và thời gian xét cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện như đối với trường hợp đề nghị cấp mới.

b) Đối với trường hợp quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 1 Điều này: trình tự thực hiện như đối với trường hợp cấp mới nhưng không yêu cầu sát hạch, thời gian thực hiện xét cấp không quá 25 ngày đối với chứng chỉ hạng I, không quá 15 ngày đối với chứng chỉ hạng II và III.

4. Nội dung và thời hạn của chứng chỉ cấp lại như sau:

a) Ghi theo đúng nội dung và thời hạn của chứng chỉ cũ đối với trường hợp bị thất lạc hoặc rách, nát.

b) Ghi bổ sung nội dung hành nghề, theo thời hạn của chứng chỉ cũ đối với trường hợp quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 1 Điều này.

c) Đối với trường hợp hết hạn thì nội dung và thời hạn ghi trong chứng chỉ được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.

5. Thẩm quyền cấp lại, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

***Điều 16. Chứng chỉ hành nghề của cá nhân nước ngoài***

*1. Chứng chỉ hành nghề của cá nhân là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là cá nhân nước ngoài) thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 44 Nghị định 59/CP.*

*2. Trường hợp cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam dưới 6tháng, thì chứng chỉ hành nghề của cá nhân đó phải được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam để sử dụng trong các hoạt động xây dựng.*

*3. Trường hợp cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam từ 6 tháng trở lên thì cá nhân đó phải thực hiện chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo quy định sau:*

*a) Hồ sơ đề nghị chuyển đổi gồm:*

*- Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục số 11 Thông tư này;*

*- Bản sao và bản dịch tiếng Việt chứng chỉ hành nghề, chứng nhận đào tạo về chuyên môn và hộ chiếu đã được chứng thực theo quy định của cá nhân đó;*

*- Bản kê khai kinh nghiệm thực hiện các công việc có liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ trong thời gian tối thiểu 07 năm đối với chứng chỉ hạng I, 05 năm đối với chứng hạng II, 03 năm đối với chứng chỉ hạng III tính đến ngày đề nghị chuyển đổi chứng chỉ theo mẫu tại Phụ lục số 03 Thông tư này;*

*b) Trình tự, thủ tục cấp chuyển đổi chứng hành nghề:*

*- Cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề qua bưu điện hoặc trực tiếp tại Cục Quản lý hoạt động xây dựng thuộc Bộ Xây dựng;*

*- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo một lần tới cá nhân đề nghị trong trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không đủ điều kiện xem xét;*

*- Trong thời gian tối đa30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện xem xét, Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm xem xét, quyết định việc cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề.*

*c) Chủ tịch Hội đồng quyết định việc cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề trên nguyên tắc được đa số thành viên của Hội đồng nhất trí và không có ý kiến nào phản đối. Trường hợp Hội đồng không đồng ý cấp chuyển đổi chứng chỉ ở lĩnh vực nào cho cá nhân đề nghị, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cá nhân đó, trong đó nêu rõ lý do từ chối cấp.*

*d) Cá nhân đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề có nghĩa vụ nộp chi phí, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định.*

*4. Trường hợp cá nhân hành nghề hoạt động xây dựng tại Việt Nam nhưng chưa được cấp chứng chỉ hành nghề thì phải đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Thông tư này.*

*5. Đối với cá nhân có quốc tịch thuộc các nước ASEAN và các nước khác mà Hiệp định Việt Nam tham gia ký kết nếu có quy định khác thì thực hiện theo điều ước đã ký kết.*

**Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề**

1. Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu được cung cấp thông tin về việc cấp chứng chỉ hành nghề;

b) Được hành nghề hoạt động xây dựng trên phạm vi cả nước theo nội dung quy định được ghi trên chứng chỉ;

c) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

d) Được tham gia hoạt động xây dựng tại ***tối đa 03 tổ chức*** trong cùng một thời gian. Riêng đối với các lĩnh vực quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng, quản lý an toàn lao động trong xây dựng và chỉ huy trưởng công trường chỉ được tham gia hoạt động xây dựng tại 01 tổ chức trong cùng một thời gian.

2. Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng có các nghĩa vụ sau đây:

a) Khai báo trung thực hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo quy định tại Thông tư này; chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của các nội dung khai trong hồ sơ, nộp lệ phí theo quy định;

b) Hành nghề đúng với lĩnh vực, phạm vi hoạt động ghi trên chứng chỉ hành nghề được cấp, tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan;

c) Không được phép cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ hành nghề được cấp;

d) Không được tự ý tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ hành nghề;

đ) Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;

e) Xuất trình chứng chỉ hành nghề và chấp hành các yêu cầu về thanh tra, kiểm tra khi các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

**CHƯƠNG III**

**CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

**Điều 18. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng**

Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng bao gồm các tài liệu sau:

1. Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục số 04 Thông tư này.

2. Danh sách các cán bộ chủ chốt tương ứng với từng lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo quy định tại Phụ lục số 05 Thông tư này. Danh sách các cán bộ, nhân viên có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ.

3. Tệp tin Scan bản chính/bản sao các văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của các cá nhân chủ chốt liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ năng lực; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập tổ chức.

4. Bản khai kinh nghiệm các hoạt động xây dựng đã thực hiện liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục số 06 Thông tư này kèm theo bản photo hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thànhtiêu biểu đã thực hiện (mỗi lĩnh vực và loại không quá 03 hợp đồng, 03 biên bản nghiệm thu hoàn thành) kèm theo Hợp đồng gốc để đối chiếu.

5. Tệp tin Scan bản kê khai năng lực tài chính, máy móc, thiết bị, phần mềm máy tính,… có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức.

6. Tệp tin Scan bản quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng tương ứng với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.

**Điều 19. Trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng**

1. Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Thông tư này tới Cơ quan đầu mối.

2. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan đầu mối có trách nhiệm kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ trước khi trình Hội đồng xét cấp chứng chỉ năng lực để xem xét, quyết định. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, Chủ tịch Hội đồng thông báo một lần tới tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ về yêu cầu bổ sung hồ sơ hoặc tổ chức phúc tra (nếu cần).

3. Thời hạn tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ năng lực:

a) Chứng chỉ năng lực hạng I: trong thời hạn tối đa là 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện để tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ năng lực theo quy định tại Khoản 4 Điều này, Hội đồng có trách nhiệm tổ chức xem xét và cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo quy định.

b) Chứng chỉ năng lực hạng II và III: trong thời hạn tối đa là 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện để tổ chức đánh giá theo quy định tại Khoản 4 Điều này, Hội đồng có trách nhiệm tổ chức xem xét và cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo quy định.

Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng tổ chức xem xét cấp chứng chỉ năng lực, Chủ tịch Hội đồngcó trách nhiệm gửi văn bản đề nghị cấp Mã số chứng chỉ năng lực kèm theo kết quả đánh giá theo mẫu tại Phụ lục số … Thông tư này tới Cục Quản lý hoạt động xây dựng thuộc Bộ Xây dựng. Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cục Quản lý hoạt động xây dựng thuộc Bộ Xây dựng có trách nhiệm phát hànhMã số chứng chỉ năng lực, đồng thời thực hiện việc tích hợp thông tin để quản lý chứng chỉ năng lựcvà tích hợp thông tin lên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

4. Chủ tịch Hội đồngquyết định cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức có đủ điều kiện năng lực theo quy định, được đa số thành viên của Hội đồngnhất trí và không có ý kiến phản đối liên quan đến việc Hội đồngcần phúc tra, làm rõ về năng lực. Trường hợp Hội đồngkhông đồng ý cấp chứng chỉ ở lĩnh vực nào cho tổ chức đề nghị, Chủ tịch Hội đồngcó trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến tổ chức đó, trong đó nêu rõ lý do từ chối cấp.

5. Việc thu và sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ năng lực (kể cả trường hợp đề nghị cấp lại hoặc bổ sung lĩnh vực hoạt động xây dựng) thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính. Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp chứng chỉ năng lực trước khi Hội đồng đánh giá tổ chức xét cấp; lệ phí không được hoàn trả trong trường hợp Hội đồng đánh giá không đồng ý cấp chứng chỉ.

**Điều 20. Đánh giá năng lực hoạt động xây dựng**

1. Các điều kiện chung để đánh giá, cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo quy định tại Điều 57 Nghị định 59/CP.

2. Tiêu chí đánh giá:

Tổ chức được cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng khi đáp ứng các tiêu chí đánh giá “đạt” – “không đạt” và tiêu chí về điểm số, cụ thể như sau:

a) Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ phải đạt cả 02 tiêu chí sau:

- Có đủ số lượng cán bộ chủ chốt và số người có chuyên môn phù hợp trong hệ thống quản lý chất lượng tương ứng với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

- Có quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng tương ứng với từng lĩnh vực đăng ký.

b) Đạt tổng số điểm tối thiểu 80/100 từ các nội dung đánh giá dưới đây:

- Số lượng cán bộ chủ chốt: từ 40 đến 50 điểm;

- Số người có chuyên môn phù hợp trong hệ thống quản lý chất lượng: từ 15 đến 20 điểm;

- Mức độ hoàn chỉnh (chuyên nghiệp) của quy trình quản lý thực hiện công việc và hệ thống quản lý chất lượng: từ 15 đến 20 điểm;

- Số công việc (hợp đồng) đã thực hiện tương ứng với lĩnh vực cấp chứng chỉ: tối đa 10 điểm;

Nội dung đánh giá về tổng số điểm được quy định tương ứng với từng lĩnh vực hoạt động xây dựng tại Phụ lục số 16 Thông tư này.

**Điều 21. Cấp lại hoặc bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng**

1. Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng được cấp lại hoặc bổ sung nội dung trong các trường hợp sau:

a) Chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng.

b) Bổ sung nội dung hoạt động.

c) Chứng chỉ cũ bị rách, nát.

d) Chứng chỉ bị thất lạc.

đ) Chứng chỉ bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đã hết hạn thu hồi.

2.Điều kiện để cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng:

a) Có đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ theo mẫu tại Phụ lục số13 Thông tư này nộpqua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại cơ quan đã cấp chứng chỉ.

b) Có chứng chỉ cũ (đối với trường hợp chứng chỉ cũ bị rách, nát hoặc đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động hoặc chứng chỉ cũ đã hết hạn sử dụng).

c) Có bản sao các văn bằng, chứng chỉ và bản khai kinh nghiệm liên quan đến nội dung đề nghị bổ sung lĩnh vực hoạt động theo mẫu tại Phụ lục số 06Thông tư này (đối với trường hợp đề nghị bổ sung nội dung hoạt động).

d) Không vi phạm các quy định trong hoạt động xây dựng và pháp luật có liên quan.

3. Thời hạn xét cấp lại hoặc bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực như đối với trường hợp xin cấp mới.

4. Nội dung và thời hạn của chứng chỉ cấp lại như sau:

a) Ghi theo đúng nội dung và thời hạn của chứng chỉ cũ đối với trường hợp bị mất hoặc rách, nát.

b) Ghi bổ sung nội dung hoạt động, theo thời hạn của chứng chỉ cũ đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động.

c) Đối với trường hợp hết hạn thì nội dung và thời hạn ghi trong chứng chỉ được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.

5. Thẩm quyền cấp lại, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 10 Thông tư này.

**Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực**

1. Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu được cung cấp thông tin về việc cấp chứng chỉ năng lực;

b) Được hoạt động xây dựng trên phạm vi cả nước theo nội dung quy định được ghi trên chứng chỉ năng lực;

c) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về cấp và sử dụng chứng chỉ năng lực.

2. Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng có các nghĩa vụ sau đây:

a) Khai báo trung thực hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo quy định tại Thông tư này; chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của các nội dung khai trong hồ sơ, nộp lệ phí theo quy định;

b) Hoạt động đúng với lĩnh vực, phạm vi hoạt động ghi trên chứng chỉ năng lực được cấp, tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan;

c) Không được tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ năng lực;

d) Người đại diện theo pháp luật của tổ chức xuất trình chứng chỉ năng lực và chấp hành các yêu cầu về thanh tra, kiểm tra khi các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

đ) Thông báo cho cơ quan đầu mối khi có những thay đổi làm ảnh hưởng đến năng lực hoạt động.

**CHƯƠNG IV**

**ĐĂNG KÝ THÔNG TIN NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

**Điều 23. Nguyên tắc công khai thông tin về năng lực của tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng**

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia các hoạt động xây dựng tại Việt Nam theo quy định tại Khoản 21 Điều 3 Luật Xây dựngnăm 2014 có trách nhiệm đăng tải công khai thông tin về năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của Thông tư này.

2. Cơ quan đầu mối phải xem xét, kiểm tra khi cần thiết đối với các thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân để công bố công khai trên trang thông tin điện tử do cơ quan quản lý.

3. Mọi thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân được công bố trên trang thông tin điện tử của các Sở Xây dựng phải được chuyển về Bộ Xây dựng để xem xét, tích hợp dữ liệu và công bố trên trang thông tin điện tử do Bộ Xây dựng quản lý làm cơ sở lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trong phạm vi cả nước.

**Điều 24. Hồ sơ đề nghị đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng**

1. Các tổ chức, cá nhân đã đề nghị cấp chứng chỉ năng lực, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng thì không phải nộp hồ sơ đề nghị đăng tải thông tin đối với lĩnh vực đã được cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

*2. Giảng viên của các cơ sở bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động xây dựng nộp hồ sơ đề nghị đăng tải thông tin về Cục Quản lý hoạt động xây dựng thuộc Bộ Xây dựng để xem xét, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, gồm các tài liệu sau:*

*a) Bản đề nghị đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 14 Thông tư này.*

*b) Bản sao các văn bằng về chuyên môn được đào tạo phù hợp với nội dung tham gia giảng dạy.*

*c)Bản kê khai về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong hoạt động nghề nghiệp theo mẫu tại Phụ lục số 03 Thông tư này. Bản khai phải có xác nhận của cơ sở bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động xây dựng. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận.*

3. Các tổ chức tham gia các hoạt động xây dựng ngoài lĩnh vực có yêu cầu chứng chỉ năng lực và nhà thầu nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng ở Việt Nam nộp hồ sơ đề nghị đăng tải thông tin bao gồm các tài liệu sau:

a) Bản đề nghị đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số15 Thông tư này.

b) Bản sao y bản chínhcác loại giấy tờ của tổ chức: giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đăng ký cấp; giấy chứng nhận đầu tư.

c) Tệp tin Scan các bản chính/bản sao các loại giấy tờ của cá nhân: văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề, hợp đồng lao động của các cá nhân chủ trì các bộ môn trong tổ chức.

d) Tệp tin Scanhợp đồng và biên bản nghiệm thuhoàn thành công trình tiêu biểu đã thực hiện (mỗi lĩnh vực đề nghị đăng tải không quá 03 hợp đồng, 03 biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình). Trường hợp cần thiết, Cơ quan đầu mối có thể yêu cầu tổ chức đề nghị đăng tải thông tin mang theo Hợp đồng gốc để đối chiếu.

Các tài liệu của hồ sơ đăng ký của nhà thầu nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.Riêng giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp của nhà thầu nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự.

**Điều 25. Công bố thông tin năng lực hoạt động xây dựng**

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng, cơ quan cấp chứng chỉ có trách nhiệm đăng tải thông tin lên trang thông tin điện tử do mình quản lý.

*2. Nội dung công bố thông tin về năng lực hoạt động xây dựng như sau:*

*a) Đối với cá nhân là thông tin chung như họ và tên, năm sinh, địa chỉ thường trú; thông tin về trình độ chuyên môn, số chứng chỉ, hạng và lĩnh vực hành nghề, số năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực hoạt động xây dựng, công trình tiêu biểu đã và đang thực hiện.*

*b) Đối với tổ chức là thông tin về tên của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính; người đại diện theo pháp luật; quyết định thành lập; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; vốn điều lệ; số lượng cá nhânđảm nhiệm các chức danh chủ chốt; hệ thống quản lý chất lượng; một số công trình tiêu biểu theo loại, quy mô công trình đã và đang thực hiện, hình thức tham gia, công việc thực hiện, hình thức khen thưởng; báo cáo tài chính 03 năm gần nhất; điểm số đánh giá của nhà thầu thi công (nếu có).*

3. Trường hợp tổ chức chỉ đăng kýcông khai thông tin,trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký, cơ quan đầu mối kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan đầu mối thông báo một lần bằng văn bản cho tổ chức đăng ký công khai thông tin.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ thông tin hợp lệ về năng lực hoạt động xây dựng do tổ chức đăng ký, Cơ quan đầu mối có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin điện tử do mình quản lý.

5. Sau khi công bố thông tin trên trang thông tin điện tử, trong thời hạn 07 ngày, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi báo cáo và tệp tin về Cục Quản lý hoạt động xây dựng thuộc Bộ Xây dựng để tổ chức quản lý, tích hợp công khai thông tin về năng lực của tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng lên trang thông tin của Bộ Xây dựng [www.hdxd.xaydung.gov.vn](http://www.hdxd.xaydung.gov.vn).

**Điều 26. Thay đổi, bổ sung thông tin năng lực hoạt động xây dựng**

1. Định kỳ 12 tháng hoặc trong thời gian 15 ngày kể từ khi tổ chức, cá nhân có thay đổi, điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố thì tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp thông tin các nội dung điều chỉnh bằng văn bản kèm theo tệp tin Scan đến cơ quan đã công bố thông tin để xem xét điều chỉnh.

2. Trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ khi tiếp nhận đủ thông tin về điều chỉnh hồ sơ, cơ quan đầu mối đã công bố thông tin có trách nhiệm kiểm tra thông tin và đăng tải những thông tin điều chỉnh của tổ chức, cá nhân trên trang thông tin điện tử do mình quản lý.

**Điều 27. Gỡ bỏ thông tin năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân đã được công bố**

1. Các tổ chức, cá nhân đã được đăng tải thông tin sẽ bị thông báo vi phạm bằng văn bản và trên trang thông tin được công bố khi có các hành vi vi phạm sau:

a) Cung cấp thông tin không đúng hoặc có thay đổi thông tin nhưng không kê khai, báo cáo theo quy định; vi phạm quy định Khoản 1 Điều 23 Thông tư này.

b) Vi phạm pháp luật trong hoạt động xây dựng.

c) Tham gia hoạt động xây dựng vượt quá điều kiện năng lực.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát hiện vi phạm nếu tổ chức, cá nhân không giải trình, khắc phục thiệt hại do vi phạm gây ra sẽ bị gỡ bỏ thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan đã đăng tải thông tin.

**Điều 28. Lưu trữ hồ sơ công bố**

1. Cơ quan công bố thông tin năng lực có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ công bố theo quy định của pháp luật để phục vụ công tác kiểm tra và bổ sung thông tin để công bố.

2. Hồ sơ lưu trữ là hồ sơ đã đăng ký để cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hoặc hồ sơ đăng ký công bố thông tin quy định tại Điều 18 Thông tư này.

**CHƯƠNG V**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC**

**HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

**Điều 29. Quản lý nhà nước về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng**

1. Bộ Xây dựng giao Cục Quản lý hoạt động xây dựng chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này trong phạm vi cả nước.

b) Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề và chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I theo quy định của Thông tư này.

c) Công bố danh sách các tổ chức xã hội – nghề nghiệp được phép cấp chứng chỉ hành nghề.

d) Xử lý các cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định điều kiện năng lực trong hoạt động xây dựng theo thẩm quyền.

đ) Tổng hợp tình hình cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng trên phạm vi cả nước.

2. Sở Xây dựng các địa phương có trách nhiệm

a) Thực hiện các quy định về quản lý điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của Thông tư này.

b) Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề và chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III theo quy định của Thông tư này.

c) Kiểm tra, thanh tra hoạt động hành nghề của cá nhân và hoạt động của tổ chức thuộc địa giới hành chính.

d) Xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định điều kiện năng lực trong hoạt động xây dựng theo thẩm quyền.

đ) Lưu trữ hồ sơ công bố theo quy định của Thông tư này.

e) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

**Điều 30. Xử lý vi phạm**

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ nếu làm giả giấy tờ hoặc khai báo không trung thực thì không được xét cấp chứng chỉ trong thời gian 1 năm.

2. Cá nhân, tổ chức đã được cấp chứng chỉ nếu vi phạm quy định của Thông tư này và pháp luật có liên quan thì bị xử lý như sau:

a) Thu hồi chứng chỉ trong thời gian 01 năm khi phát hiện có sự khai báo không trung thực trong hồ sơ xin cấp chứng chỉ hoặc hoạt động, hành nghề không đúng với nội dung ghi trong chứng chỉ.

b) Thu hồi chứng chỉ trong thời gian 03 năm nếu tự ý tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ; cho thuê hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ để hành nghề hoặc hoạt động; vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động xây dựng.

c) Ngoài việc bị thu hồi chứng chỉ, tùy theo mức độ vi phạm tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị xử phạt hành chính, bồi thường thiệt hại hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**CHƯƠNG VI**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

***Điều 31. Xử lý chuyển tiếp***

*1. Các chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đến thời điểm trước khi Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết hạn. Trường hợp chứng chỉ chưa hết hạn sử dụng mà cá nhân có nhu cầu chuyển đổi chứng chỉ thì thực hiện như sau:*

*a) Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển đổi chứng chỉ về Cơ quan đầu mối tương ứng với lĩnh vực và hạng chứng chỉ đề nghị chuyển đổi, gồm: đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục số 11 Thông tư này;Chứng chỉ hành nghề cũ còn thời hạn sử dụng; bản khai kinh nghiệm về công tác chuyên môn trong hoạt động xây dựng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư này.*

*b) Việc xác định trình độ chuyên môn và thời gian kinh nghiệm tham gia hoạt động xây dựng tương ứng với hạng chứng chỉ hành nghề đề nghị chuyển đổi thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 45 Nghị định 59/CP.*

*c) Cá nhân đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề được miễn sát hạch nội dung về kinh nghiệm nghề nghiệp.*

*2. Đối với cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng,căn cứ nhu cầu hành nghề và quy định về điều kiện năng lực tại Nghị định số 59/CP, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này đến Cơ quan đầu mối để chuyển đổi chứng chỉ. Thời gian thực hiện chuyển đối chứng chỉ trước ngày 01/01/2017. Sau thời điểm này, nếu cá nhân không thực hiện việc chuyển đổi chứng chỉ thì chứng chỉ đó được xem là không còn giá trị sử dụng.*

**Điều 32. Điều khoản thi hành**

1. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ hành nghề có thể đề nghị để được cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp chứng chỉ theo quy định của Thông tư này.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, tổ chức có nhu cầu cấp chứng chỉ năng lực có thể đề nghị để được cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp chứng chỉ. Từ ngày 01 tháng 3 năm 2016, Tổ chức tham gia hoạt động xây dựng phải có chứng chỉ theo quy định của Thông tư này.

**Điều33. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm … thay thế Thông tư số 12/2009/TT-BXD ngày 24 tháng 6 năm 2009, Thông tư số 22/2009/TT-BXD ngày 06 tháng 7 năm 2009 và Thông tư số 11/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng.

2. Cục trưởng Cục Quản lý hoạt động xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);  - Hội đồng dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội; - Thủ tướng, các PTT Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP; - HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW; - Văn phòng Chính phủ; - Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Văn phòng TW và các Ban của Đảng; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Toà án NDTC; - Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp; - Các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng; - Công báo, Website của CP, Website của Bộ XD; - Lưu: VT, PC, HĐXD. | **BỘ TRƯỞNG**  **Trịnh Đình Dũng** |

**Phụ lục số 01**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/TT-BXD ngày …/…/2015 của Bộ Xây dựng)*

------------------------------------------------------------------------

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---------------------------

*.........., ngày.......tháng....... năm......*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ**

**HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

**Kính gửi**: ………………….(1)

1. Họ và tên: …………………………………………………………………

2. Ngày, tháng, năm sinh: ……………………………………………………

3. Nơi sinh: ………………………………………………………………….

4. Quốc tịch: …………………………………………………………………

5. Số, ngày, nơi cấp chứng minh thư nhân dân (hoặc số hộ chiếu đối với người nước ngoài): …………………………………………………………………

6. Địa chỉ thường trú: ……………………………………………………….

7. Đơn vị công tác: ………………………………………………………….

8. Trình độ chuyên môn*(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo)*: ……………..

9. Kinh nghiệm nghề nghiệp:

- Thời gian có kinh nghiệm nghề nghiệp*(nếu xin cấp chứng chỉ hành nghề lĩnh vực nào thì khai kinh nghiệm về lĩnh vực đó):………………………………….*(2)

- Kinh nghiệm nghề nghiệp với lĩnh vực và hạng đề nghị cấp chứng chỉ *(Ghi rõ chức danh vị trí công tác, đơn vị công tác; tên, loại và cấp công trình tham gia hoạt động xây dựng)*:………………………………………………………………

Đề nghị được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với các nội dung sau:*………………………………………………………………………………………*(3)

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**Người làm đơn**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

***Ghi chú:***

(1) Tên cơ quan đầu mối.

(2)Số năm có kinh nghiệm nghề nghiệp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ.

(3) Ghi rõ lĩnh vực hành nghềtheo quy định Khoản 1 Điều 3 Thông tư này và hạng chứng chỉ.

**Phụ lục số 02**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/TT-BXD ngày …/…/2015 của Bộ Xây dựng)*

------------------------------------------------------------------------

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---------------------------

*.........., ngày.......tháng....... năm......*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/BỔ SUNG NỘI DUNG CHỨNG CHỈ**

**HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

**Kính gửi**: ………………….(1)

1. Họ và tên: …………………………………………………………………

2. Ngày, tháng, năm sinh: ……………………………………………………

3. Nơi sinh: ………………………………………………………………….

4. Quốc tịch: …………………………………………………………………

5. Số, ngày, nơi cấp chứng minh thư nhân dân (hoặc số hộ chiếu đối với người nước ngoài): …………………………………………………………………

6. Địa chỉ thường trú: ……………………………………………………….

7. Đơn vị công tác: ………………………………………………………….

8. Mã số chứng chỉ hành nghề đã được cấp: ……………………………………

Đề nghị được cấp lại/bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng như sau:

8.1. Cấp lại chứng chỉ hành nghề €

Lý do: ……………………………………………………………………………..(2)

8.2. Bổ sung nội dung hành nghề €

Nội dung bổ sung: ………………………………………………………………...(3)

Kinh nghiệm nghề nghiệp:

- Thời gian có kinh nghiệm nghề nghiệp*(nếu bổ sung nội dung hành nghề lĩnh vực nào thì khai kinh nghiệm về lĩnh vực đó):…………………………………………………*(4)

- Kinh nghiệm nghề nghiệp với lĩnh vực và hạng đề nghị bổ sung nội dung chứng chỉ *(ghi rõ chức danh vị trí công tác, đơn vị công tác; tên, loại và cấp công trình tham gia hoạt động xây dựng)*:…………………………………………………………………...

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người làm đơn**  *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

***Ghi chú:***

(1) Tên cơ quan cấp chứng chỉ.

(2) Theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này.

(3) Ghi rõ lĩnh vực hành nghề theo quy định Khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

(4) Số năm có kinh nghiệm nghề nghiệp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ.

**Phụ lục số 03**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/TT-BXD ngày …/…/2015 của Bộ Xây dựng)*

------------------------------------------------------------------------

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN KHAI KINH NGHIỆM CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN**

**TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

1. Họ và tên: ………………………………………………………………………

2. Trình độ chuyên môn: …………………………………………………………

3. Đơn vị công tác: ……………………………………………………………….

2. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thời gian**  **công tác**  (*Từ tháng, năm đến tháng, năm)* | **Đơn vị công tác/Hoạt động độc lập**  *(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)* | **Nội dung hoạt động**  **xây dựng**  *(Ghi rõ lĩnh vực hoạt động, vai trò)* | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Tôi xin cam đoan nội dung bản khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của Cơ quan, Tổ chức quản lý trực tiếp hoặc Hội nghề nghiệp (\*)** | **NGƯỜI KHAI**  *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

***Ghi chú:***

(\* ) Trường hợp cá nhân là Giảng viên của các cơ sở bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động xây dựng thì phải có xác nhận của của cơ sở bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động xây dựng.

**Phụ lục số 04**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/TT-BXD ngày …/…/2015 của Bộ Xây dựng)*

------------------------------------------------------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  --------------------------- |
|  | *.........., ngày.......tháng....... năm......* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC**

**HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG HẠNG …**(1)

**Kính gửi**: ………………….(2)

1. Tên tổ chức: ………………………………………………………………

2. Địa chỉ trụ sở chính: ……….………………………………………………

3. Số điện thoại: ………….. ………….Số fax: ……………. ……………..

4. Email: ………………………………Website: ………………………….

5. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và Tên: …………………………Chức vụ: …………………………….,

Điện thoại: ………..

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập số:……… Nơi cấp:……………. Ngày cấp: ……………………………………………………

7. Ngành nghề kinh doanh chính: ………………………………………….

Nội dung đề nghị cấp chứng chỉ năng lựchoạt động xây dựng:

……………*…………………………………………………………………………*(3)

Tổ chức (4) chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN**

**THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC**

*(Ký, họ và tên, đóng dấu)*

***Ghi chú:***

(1) Hạng chứng chỉ (I, II, III).

(2) Tên cơ quan đầu mối.

(3)Ghi rõ lĩnh vực hoạt động theo quy định Khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

(4)Tên tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ.

**Phụ lục số 05**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/TT-BXD ngày …/…/2015 của Bộ Xây dựng)*

------------------------------------------------------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**DANH SÁCH CÁN BỘ CHỦ CHỐT**

**VÀ CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CÓ LIÊN QUAN**

**Lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ: ……………………………………………..**

**1. Danh sách cán bộ chủ chốt**(\*)**:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và Tên** | **Vị trí/Chức vụ** | **Số chứng chỉ hành nghề** | **Điện thoại liên hệ** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**2. Danh sách cán bộ, nhân viên liên quan đến lĩnh vực cấp chứng chỉ:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và Tên** | **Vị trí/Chức vụ** | **Trình độ**  **chuyên môn** | **Điện thoại liên hệ** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

*(\*) Gửi kèm theo hợp đồng lao động của các cá nhân giữ chức danh chủ chốt với tổ chức bản photo có đóng dấu xác nhận của tổ chức.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC**  *(Ký, họ và tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục số 06**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/TT-BXD ngày …/…/2015 của Bộ Xây dựng)*

------------------------------------------------------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

### BẢN KHAI KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

### CỦA TỔ CHỨC

**I. Thông tin về tổ chức:**

Tên tổ chức: ………………………………………………………………….

Điện thoại: ……………………………………………………………………

Địa chỉ liên hệ: ……………………………………………………………….

Lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ: ……………………… Hạng: ……………..

**2. Kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung hoạt động**  **xây dựng**  *(Ghi rõ lĩnh vực hoạt động và vai trò: nhà thầu chính, nhà thầu phụ, tổng thầu,…)* | **Thông tin công trình** *(Tên công trình; loại, cấp công trình; vị trí xây dựng)* | **Chủ đầu tư**  *(Tên chủ đầu tư, số điện thoại liên hệ)* | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

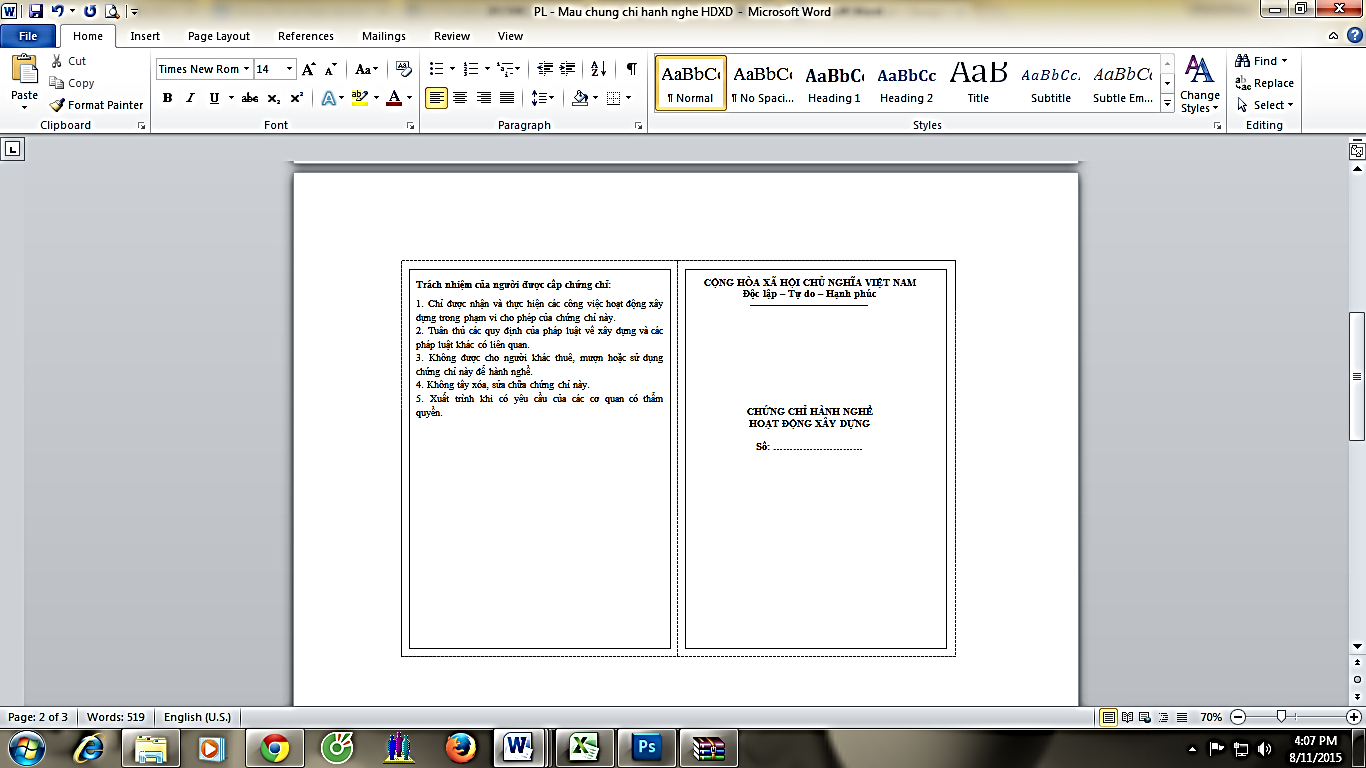
|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC**  *(Ký, họ và tên, đóng dấu)* |

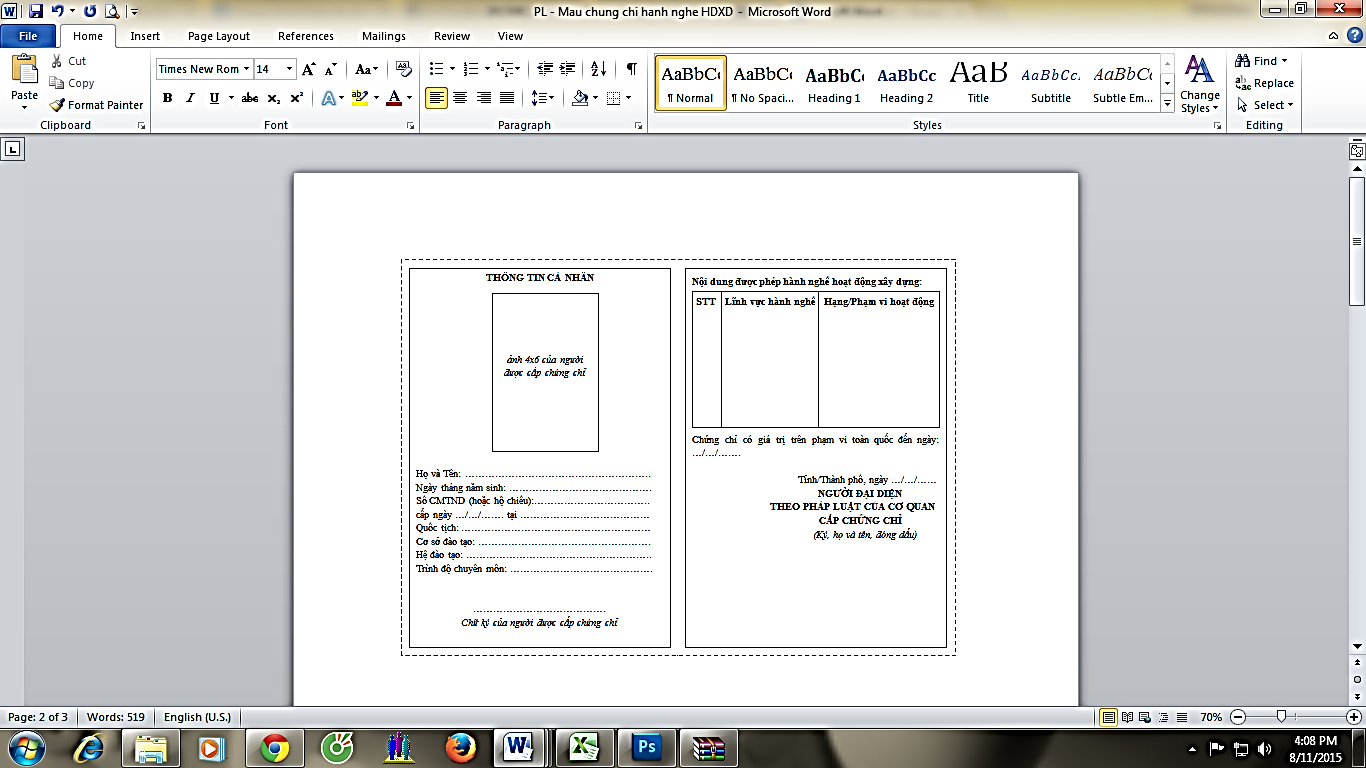
**Phụ lục số 07**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/TT-BXD ngày …/…/2015 của Bộ Xây dựng)*

------------------------------------------------------------------------

### Mẫu chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng





**Phụ lục số 08**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/TT-BXD ngày …/…/2015 của Bộ Xây dựng)*

------------------------------------------------------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /…(1)-CCNL |  |

**CHỨNG CHỈ**

**NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

**CẤP CHO:**

Tên tổ chức: ………………………….………………………………………..

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập số:……………

Nơi cấp:……………. ….Ngày cấp: …………………………………………

Tên người đại diện theo pháp luật: …………………………………………….

Địa chỉ trụ sở chính:……………………………………………………………

Phạm vi hoạt động xây dựng*(Ghi rõ lĩnh vực hành nghề, hạng năng lực):*

*……………………………………………………………………………………………*

*……………………………………………………………………………………………*

*……………………………………………………………………………………………*

Chứng chỉ có giá trị trên phạm vi toàn quốc đến hết ngày: .../…/…

*….…., ngày tháng năm 20…*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**CỦA CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ**

*(ký, họ và tên, đóng dấu)*

Thông tin về năng lực của tổ chức được đăng tải trên trang web của …. *(tên cơ quan đăng tải)*

***Ghi chú:***

(1) Tên viết tắt của tổ chức cấp chứng chỉ.

**Phụ lục số 09**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/TT-BXD ngày …/…/2015 của Bộ Xây dựng)*

------------------------------------------------------------------------

**KÍ HIỆU NƠI CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nơi cấp** | **Kí hiệu** | **STT** | **Nơi cấp** | **Kí hiệu** |
| **I** | **Đốivới chứng chỉ hạng I** | | | | |
| 1 | Bộ Xây dựng | BXD |  |  |  |
| **II** | **Đốivới chứng chỉ hạng II, hạng III** | | | | |
| 1 | An Giang | ANG | 33 | Kon Tum | KOT |
| 2 | Bà Rịa - Vũng Tàu | BRV | 34 | Lai Châu | LAC |
| 3 | Bắc Giang | BAG | 35 | Lâm Đồng | LAD |
| 4 | Bắc Kạn | BAK | 36 | Lạng Sơn | LAS |
| 5 | Bạc Liêu | BAL | 37 | Lào Cai | LCA |
| 6 | Bắc Ninh | BAN | 38 | Long An | LOA |
| 7 | Bến Tre | BAT | 39 | Nam Định | NAD |
| 8 | Bình Định | BID | 40 | Nghệ An | NGA |
| 9 | Bình Dương | BDG | 41 | Ninh Bình | NIB |
| 10 | Bình Phước | BIP | 42 | Ninh Thuận | NIT |
| 11 | Bình Thuận | BIT | 43 | Phú Thọ | PHT |
| 12 | Cà Mau | CAM | 44 | Phú Yên | PHY |
| 13 | Cao Bằng | CAB | 45 | Quảng Bình | QUB |
| 14 | Cần Thơ | CAT | 46 | Quảng Nam | QUN |
| 15 | Đà Nẵng | DNA | 47 | Quảng Ngãi | QNG |
| 16 | Đắk Lắk | DAL | 48 | Quảng Ninh | QNI |
| 17 | Đắk Nông | DAN | 49 | Quảng Trị | QTR |
| 18 | Điện Biên | DIB | 50 | Sóc Trăng | SOT |
| 19 | Đồng Nai | DON | 51 | Sơn La | SOL |
| 20 | Đồng Tháp | DOT | 52 | Tây Ninh | TAN |
| 21 | Gia Lai | GIL | 53 | Thái Bình | THN |
| 22 | Hà Giang | HAG | 54 | Thái Nguyên | TNG |
| 23 | Hà Nam | HNA | 55 | Thanh Hóa | THH |
| 24 | Hà Nội | HAN | 56 | Thừa Thiên Huế | TTH |
| 25 | Hà Tĩnh | HAT | 57 | Tiền Giang | TIG |
| 26 | Hải Dương | HAD | 58 | TP.Hồ Chí Minh | HCM |
| 27 | Hải Phòng | HAP | 59 | Trà Vinh | TRV |
| 28 | Hậu Giang | HAG | 60 | Tuyên Quang | TUQ |
| 29 | Hòa Bình | HOB | 61 | Vĩnh Long | VIL |
| 30 | Hưng Yên | HUY | 62 | Vĩnh Phúc | VIP |
| 31 | Khánh Hòa | KHH | 63 | Yên Bái | YEB |
| 32 | Kiên Giang | KIG |  |  |  |

**Phụ lục số 10**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/TT-BXD ngày …/…/2015 của Bộ Xây dựng)*

------------------------------------------------------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN ĐẦU MỐI  **HỘI ĐỒNG XÉT CẤP**  **CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**PHIẾU KẾT QUẢ SÁT HẠCH**

**CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Họ và tên:…………….……………………..Nam (Nữ): ……………………..

Sinh ngày: …. tháng …. năm …. Quốc tịch: ………………...………………..

Số CMTND (hoặc hộ chiếu):…...……cấp ngày … tháng … năm … tại ……..

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lĩnh vực: ……………..

………….……….. hạng: ……………………………………………………...

Mã số dự thi: …………………………………………………………………..

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……, ngày … tháng … năm …  **Người đề nghị cấp chứng chỉ**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**A. KẾT QUẢ SÁT HẠCH VỀ KINH NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP**

Đối tượng được miễn sát hạch: € Có (tổng thời gian kinh nghiệm: …..năm)

€ Không

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số điểm tối đa** | **Số điểm đạt được** | **Sát hạch viên nhận xét và ký tên** |
|  |  |  |

**B. KẾT QUẢ SÁT HẠCH VỀ KIẾN THỨC PHÁP LUẬT**

Đối tượng được miễn sát hạch: € Có (là công chức nhà nước: … năm)

€ Không

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số điểm tối đa** | **Số điểm đạt được** | **Sát hạch viên nhận xét và ký tên** |
|  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Kết luận của Tổ trưởng Tổ sát hạch**  € Đạt € Không đạt  **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | ……, ngày … tháng … năm …  **TM. HỘI ĐỒNG**  **CHỦ TỊCH**  *(Ký, họ và tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục số 11**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/TT-BXD ngày …/…/2015 của Bộ Xây dựng)*

------------------------------------------------------------------------

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---------------------------

*.........., ngày.......tháng....... năm......*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊCHUYỂN ĐỔI**

**CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

*(Dùng cho cá nhân nước ngoài)*

**Kính gửi**: ………………….(2)

1. Họ và tên: …………………………………………………………………

2. Ngày, tháng, năm sinh: ……………………………………………………

3. Nơi sinh: ………………………………………………………………….

4. Quốc tịch: …………………………………………………………………

5. Sốhộ chiếu:………………….. ngày cấp: ……………………………….

Nơi cấp: …………..…… Có giá trị đến ngày: ………………………………

6. Địa chỉ thường trú: ……………………………………………………….

7. Đơn vị công tác: ………………………………………………………….

8. Trình độ chuyên môn*(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo)*: ………….….

9. Chứng chỉ hành nghề số: …….. ngày cấp: ……… nơi cấp: ……………

Đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với các nội dung sau:*……………………………………………………………………………………*(2)

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**Người làm đơn**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

***Ghi chú:***

(1) Tên cơ quan đầu mối.

(2) Ghi rõ lĩnh vực hành nghề theo quy định Khoản 1 Điều 3 Thông tư này và Hạng năng lực.

**Phụ lục số 12**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/TT-BXD ngày …/…/2015 của Bộ Xây dựng)*

------------------------------------------------------------------------

**DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP**

**CÓ THẨM QUYỀN CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tổ chức** | **Lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng Hội xây dựng Việt Nam | - Giám sát thi công xây dựng;  - Kiểm định xây dựng;  - Quản lý an toàn lao động trong xây dựng;  - Định giá xây dựng |  |
| 2 | Hội Kiến trúc sư Việt Nam | - Thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế nội ngoại thất, thiết kế cảnh quan. |  |
| 3 | Hội quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam | - Thiết kế quy hoạch xây dựng. |  |

**Phụ lục số 13**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/TT-BXD ngày …/…/2015 của Bộ Xây dựng)*

------------------------------------------------------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC**  **------------------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  --------------------------- |
|  | *.........., ngày.......tháng....... năm......* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/BỔ SUNG NỘI DUNG**

**CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

**Kính gửi**: ………………….(1)

1. Tên tổ chức: ………………………………………………………………

2. Địa chỉ trụ sở chính: ……….………………………………………………

3. Số điện thoại: ………….. ………….Số fax: ……………. ……………..

4. Email: ………………………………Website: ………………………….

5. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và Tên: …………………………Chức vụ: …………………………….,

Điện thoại: ………..

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập số:……… Nơi cấp:……………. Ngày cấp: ……………………………………………………

7. Ngành nghề kinh doanh chính: ………………………………………….

8. Số chứng chỉ năng lực: …………… ngày cấp: ………… nơi cấp: …….

9. Nội dung đề nghị cấp lại/bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng:

9.1. Cấp lại chứng chỉ năng lực: €

Lý do: ……………………………………………………………………..(2)

9.2. Bổ sung nội dung hoạt động: €

Nội dung bổ sung: ………………………………………………………...(3)

Tổ chức (4) chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN**

**THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC**

*(Ký, họ và tên, đóng dấu)*

***Ghi chú:***

(1) Tên cơ quan đầu mối.

(2)Ghi rõ lý do theo quy định Khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

(3)Ghi rõ lĩnh vực hoạt động theo quy định Khoản 1 Điều 21 Thông tư này

(4) Tên tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ.

**Phụ lục số 14**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/TT-BXD ngày …/…/2015 của Bộ Xây dựng)*

------------------------------------------------------------------------

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---------------------------

**BẢN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG TẢI THÔNG TIN NĂNG LỰC**

**HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

*(dùng cho cá nhân)*

Kính gửi: *Tên cơ quan đầu mối*

1. Họ và tên: ………………………………………………………………….

2. Ngày sinh: …………………………………………………………………

3. Địa chỉ thường trú: ………………………………………………………...

4. Số CMTND: ……………….., ngày cấp: ……………., nơi cấp: …………

5. Số điện thoại: ………………………… Email: …………………………...

6. Trình độ chuyên môn: ……………………………………………………..

*(Ghi rõ bằng cấp, chứng chỉ đào tạo,…)*

7. Đơn vị công tác: …………………………………………………………...

8. Số năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực hoạt động xây dựng: …………….

Tôi xin cam đoan những thông tin kê khai ở trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI KHAI**  *(ký, ghi rõ họ và tên)* |

**Phụ lục số 15**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/TT-BXD ngày …/…/2015 của Bộ Xây dựng)*

------------------------------------------------------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC**  **-----------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  --------------------------- |
|  | *.........., ngày.......tháng....... năm......* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG TẢI THÔNG TIN NĂNG LỰC**

**HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Kính gửi: *Tên cơ quan đầu mối*

1. Tên tổ chức: ………………………………………………………………

2. Địa chỉ trụ sở chính: ……………………………………………………..

Số điện thoại: ……………………... Số fax: ………………………………

Email: ……………………………… Website: …………………………….

3. Địa chỉ văn phòng đại diện, Văn phòng chi nhánh (nếu có): …………..

4. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: ………………………….. Chức vu: ……………………………

5. Quyết định thành lập:

Cơ quan ký quyết định: …….. , số: …………, ngày: ……………………..

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Số:…………………, ngày cấp: ……………, cơ quan cấp: ……………….

7. Vốn điều lệ: ………………………………………………………………

8. Số lượng cán bộ, nhân viên có chuyên môn cao của Tổ chức (chỉ tính người đang tham gia nộp BHXH): …… người.

Trong đó:

+ Trên đại học:………người

+ Đại học: …………...người

9. Nội dung đề nghị đăng tải thông tin:

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin kê khai ở trên là đúng sự thật, nếu sai chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TÊN TỔ CHỨC**  *(ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

Mẫu đơn này dành cho các tổ chức tham gia các hoạt động xây dựng ngoài các lĩnh vực có yêu cầu chứng chỉ năng lực và nhà thầu nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng ở Việt Nam.

**Phụ lục số 16**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/TT-BXD ngày …/…/2015 của Bộ Xây dựng)*

------------------------------------------------------------------------

**a) Tổ chức khảo sát xây dựng**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Tổ chức khảo sát xây dựng** | | | |
| **Hạng I** | **Hạng II** | **Hạng III** | **Đánh giá** |
| **I** | **TIÊU CHÍ "ĐẠT" - "KHÔNG ĐẠT"** | | | | |
| 1.1 | Số lượng cán bộ chủ chốt | ≥ 03 | ≥ 03 | ≥ 03 | Đạt |
| < 03 | < 03 | < 03 | Không đạt |
| 1.2 | Số người có chuyên môn phù hợp | ≥ 10 | ≥ 10 | ≥ 05 | Đạt |
| < 10 | < 10 | < 05 | Không đạt |
| 1.3 | Quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng | Có | Có | Có | Đạt |
| Không | Không | Không | Không đạt |
| **II** | **TIÊU CHÍ VỀ ĐIỂM SỐ** | | | | **Điểm** |
| 2.1 | Số lượng cán bộ chủ chốt | 03 | 03 | 03 | 40 |
| > 03 | > 03 | > 03 | 41÷50(1) |
| 2.2 | Số người có chuyên môn phù hợp | 10 | 10 | 05 | 15 |
| > 10 | > 10 | > 05 | 16÷20(2) |
| 2.3 | Quy trình quản lý thực hiện công việc và hệ thống quản lý chất lượng | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | 15 |
| Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | 20 |
|  | Số công việc, hợp đồng đã thực hiện | Chưa thực hiện khảo sát xây dựng ít nhất 1 (một) dự án nhóm A; 1 (một) công trình cấp I hoặc 2 (hai) dự án nhóm B hoặc 2 (hai) công trình cấp II trở lên cùng loại hình khảo sát | Chưa thực hiện khảo sát xây dựng ít nhất 1 (một) dự án nhóm B; 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) dự án nhóm C hoặc 2 (hai) công trình cấp III trở lên cùng loại hình khảo sát | Không yêu cầu (không tính điểm) | < 10 |
| 2.4 | Đã thực hiện khảo sát xây dựng ít nhất 1 (một) dự án nhóm A; 1 (một) công trình cấp I hoặc 2 (hai) dự án nhóm B hoặc 2 (hai) công trình cấp II trở lên cùng loại hình khảo sát | Đã thực hiện khảo sát xây dựng ít nhất 1 (một) dự án nhóm B; 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) dự án nhóm C hoặc 2 (hai) công trình cấp III trở lên cùng loại hình khảo sát | Không yêu cầu (không tính điểm) | 10 |
| 2.5 | Tổng điểm | < 80 | < 80 | < 70 | Không đạt |
| 80÷100 | 80÷100 | 70÷100 | Đạt |

**b) Tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Tổ chức tư vấn lập Quy hoạch xây dựng** | | | |
| **Hạng I** | **Hạng II** | **Hạng III** | **Đánh giá** |
| **I** | **TIÊU CHÍ "ĐẠT" - "KHÔNG ĐẠT"** | | | | |
| 1.1 | Số lượng cán bộ chủ chốt | ≥ 10 | ≥ 10 | ≥ 5 | Đạt |
| < 10 | < 10 | < 5 | Không đạt |
| 1.2 | Số người có chuyên môn phù hợp | ≥ 30 | ≥ 20 | ≥ 10 | Đạt |
| < 30 | < 20 | < 10 | Không đạt |
| 1.3 | Quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng | Có | Có | Có | Đạt |
| Không | Không | Không | Không đạt |
| **II** | **TIÊU CHÍ VỀ ĐIỂM SỐ** | | | | **Điểm** |
| 2.1 | Số lượng cán bộ chủ chốt | 10 | 10 | 5 | 40 |
| > 10 | > 10 | > 5 | 41÷50(1) |
| 2.2 | Số người có chuyên môn phù hợp | 30 | 20 | 10 | 15 |
| > 30 | > 20 | > 10 | 16÷20(2) |
| 2.3 | Quy trình quản lý thực hiện công việc và hệ thống quản lý chất lượng | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | 15 |
| Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | 20 |
|  | Số công việc, hợp đồng đã thực hiện | Chưa thực hiện lập ít nhất 1 (một) đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh hoặc 2 (hai) đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị loại I hoặc 2 (hai) đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù | Chưa thực hiện lập ít nhất 1 (một) đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện hoặc 2 (hai) đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị loại II hoặc 2 (hai) đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù | Không yêu cầu | < 10 |
| 2.4 | Đã thực hiện lập ít nhất 1 (một) đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh hoặc 2 (hai) đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị loại I hoặc 2 (hai) đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù | Đã thực hiện lập ít nhất 1 (một) đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện hoặc 2 (hai) đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị loại II hoặc 2 (hai) đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù | Không yêu cầu (không tính điểm) | 10 |
| 2.5 | Tổng điểm | < 80 | < 80 | < 70 | Không đạt |
| 80÷100 | 80÷100 | 70÷100 | Đạt |

**c) Tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình** | | | |
| **Hạng I** | **Hạng II** | **Hạng III** | **Đánh giá** |
| **I** | **TIÊU CHÍ "ĐẠT" - "KHÔNG ĐẠT"** | | | | |
| 1.1 | Số lượng cán bộ chủ chốt | ≥ 10 | ≥ 10 | ≥ 05 | Đạt |
| < 10 | < 10 | < 05 | Không đạt |
| 1.2 | Số người có chuyên môn phù hợp | ≥ 15 | ≥ 10 | ≥ 05 | Đạt |
| < 15 | < 10 | < 05 | Không đạt |
| 1.3 | Quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng | Có | Có | Có | Đạt |
| Không | Không | Không | Không đạt |
| **II** | **TIÊU CHÍ VỀ ĐIỂM SỐ** | | | | **Điểm** |
| 2.1 | Số lượng cán bộ chủ chốt | 10 | 10 | 05 | 40 |
| > 10 | > 10 | > 05 | 41÷50(1) |
| 2.2 | Số người có chuyên môn phù hợp | 15 | 10 | 05 | 15 |
| > 15 | > 10 | > 05 | 16÷20(2) |
| 2.3 | Quy trình quản lý thực hiện công việc và hệ thống quản lý chất lượng | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | 15 |
| Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | 20 |
| 2.4 | Số công việc, hợp đồng đã thực hiện | Chưa thực hiện thiết kế, thẩm tra thiết kế ít nhất 1 (một) công trình cấp I hoặc 2 (hai) công trình cấp II cùng loại | Chưa thực hiện thiết kế ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại | Không yêu cầu (không tính điểm) | < 10 |
| Đã thực hiện thiết kế, thẩm tra thiết kế ít nhất 1 (một) công trình cấp I hoặc 2 (hai) công trình cấp II cùng loại | Đã thực hiện thiết kế ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại | Không yêu cầu (không tính điểm) | 10 |
| 2.5 | Tổng điểm | < 80 | < 80 | < 70 | Không đạt |
| 80÷100 | 80÷100 | 70÷100 | Đạt |

**d) Tổ chức tư vấn quản lý dự án**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Tổ chức tư vấn quản lý dự án** | | | |
| **Hạng I** | **Hạng II** | **Hạng III** | **Đánh giá** |
| **I** | **TIÊU CHÍ "ĐẠT" - "KHÔNG ĐẠT"** | | | | |
| 1.1 | Giám đốc quản lý dự án | ≥ 03 | ≥ 03 | ≥ 03 | Đạt |
| < 03 | < 03 | < 03 | Không đạt |
| 1.2 | Người phụ trách lĩnh vực chuyên môn | Có chứng chỉ phù hợp với công việc đảm nhiệm | Có chứng chỉ phù hợp với công việc đảm nhiệm | Có chứng chỉ phù hợp với công việc đảm nhiệm | Đạt |
| Không có hoặc có chứng chỉ không phù hợp với công việc đảm nhiệm | Không có hoặc có chứng chỉ không phù hợp với công việc đảm nhiệm | Không có hoặc có chứng chỉ không phù hợp với công việc đảm nhiệm | Không đạt |
| 1.3 | Số người có chuyên môn phù hợp | ≥ 20 | ≥ 15 | ≥ 10 | Đạt |
| < 20 | < 15 | < 10 | Không đạt |
| 1.3 | Quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng | Có | Có | Có | Đạt |
| Không | Không | Không | Không đạt |
| **II** | **TIÊU CHÍ VỀ ĐIỂM SỐ** | | | | **Điểm** |
| 2.1 | Giám đốc quản lý dự án | 03 | 03 | 05 | 15 |
| > 03 | > 03 | > 05 | 16÷20(2) |
| 2.2 | Người phụ trách lĩnh vực chuyên môn | Có chứng chỉ phù hợp với công việc đảm nhiệm | Có chứng chỉ phù hợp với công việc đảm nhiệm | Có chứng chỉ phù hợp với công việc đảm nhiệm | 25 |
| 2.2 | Số người có chuyên môn phù hợp | 20 | 15 | 05 | 15 |
| > 20 | > 15 | > 05 | 16÷20(2) |
| 2.3 | Quy trình quản lý thực hiện công việc và hệ thống quản lý chất lượng | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | 15 |
| Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | 20 |
| 2.4 | Số công việc, hợp đồng đã thực hiện | Chưa thực hiện quản lý ít nhất 1 (một) dự án nhóm A hoặc 2 (hai) dự án nhóm B cùng loại | Chưa thực hiện quản lý ít nhất 1 (một) dự án nhóm B hoặc 2 (hai) dự án nhóm C cùng loại | Không yêu cầu (không tính điểm) | < 10 |
| Đã thực hiện quản lý ít nhất 1 (một) dự án nhóm A hoặc 2 (hai) dự án nhóm B cùng loại | Đã thực hiện quản lý ít nhất 1 (một) dự án nhóm B hoặc 2 (hai) dự án nhóm C cùng loại | Không yêu cầu (không tính điểm) | 10 |
| 2.5 | Tổng điểm | < 80 | < 80 | < 70 | Không đạt |
| 80÷100 | 80÷100 | 70÷100 | Đạt |

**đ) Giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Tổ chức Giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng** | | | |
| **Hạng I** | **Hạng II** | **Hạng III** | **Đánh giá** |
| **I** | **TIÊU CHÍ "ĐẠT" - "KHÔNG ĐẠT"** | | | | |
| 1.1 | Số người có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng | ≥ 10 | ≥ 10 | ≥ 05 | Đạt |
| < 10 | < 10 | < 05 | Không đạt |
| 1.3 | Quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng | Có | Có | Có | Đạt |
| Không | Không | Không | Không đạt |
| **II** | **TIÊU CHÍ VỀ ĐIỂM SỐ** | | | | **Điểm** |
| 2.2 | Số người có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng | ≥ 10 | ≥ 10 | ≥ 05 | 65 |
| < 10 | < 10 | < 05 | 66-70(3) |
| 2.3 | Quy trình quản lý thực hiện công việc và hệ thống quản lý chất lượng | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | 15 |
| Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | 30 |
| 2.5 | Tổng điểm | < 80 | < 80 | < 70 | Không đạt |
| 80÷100 | 80÷100 | 70÷100 | Đạt |

**e) Tổ chức thi công xây dựng công trình**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Tổ chức thi công xây dựng công trình** | | | |
| **Hạng I** | **Hạng II** | **Hạng III** | **Đánh giá** |
| **I** | **TIÊU CHÍ "ĐẠT" - "KHÔNG ĐẠT"** | | | | |
| 1.1 | Chỉ huy trưởng công trường | ≥ 03 | ≥ 02 | ≥ 01 | Đạt |
| < 03 | < 02 | < 01 | Không đạt |
| 1.2 | Người phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn | Có trình độ chuyên môn và thời gian công tác phù hợp với công việc đảm nhiệm | Có trình độ chuyên môn và thời gian công tác phù hợp với công việc đảm nhiệm | Có trình độ chuyên môn và thời gian công tác phù hợp với công việc đảm nhiệm | Đạt |
| Không có hoặc có trình độ chuyên môn và thời gian công tác không phù hợp với công việc đảm nhiệm | Không có hoặc có trình độ chuyên môn và thời gian công tác không phù hợp với công việc đảm nhiệm | Không có hoặc có trình độ chuyên môn và thời gian công tác không phù hợp với công việc đảm nhiệm | Không đạt |
| 1.3 | Số người có chuyên môn phù hợp | ≥ 15 | ≥ 10 | ≥ 05 | Đạt |
| < 15 | < 10 | < 05 | Không đạt |
| 1.4 | Công nhân kỹ thuật | ≥ 30 | ≥ 20 | ≥ 5 | Đạt |
| < 30 | < 20 | < 5 | Không đạt |
| 1.3 | Quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng | Có | Có | Có | Đạt |
| Không | Không | Không | Không đạt |
| **II** | **TIÊU CHÍ VỀ ĐIỂM SỐ** | | | | **Điểm** |
| 2.1 | Chỉ huy trưởng công trường | ≥ 03 | ≥ 02 | ≥ 01 | 10 |
| < 03 | < 02 | < 01 | 11÷15(4) |
| 2.2 | Người phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn | Có trình độ chuyên môn và thời gian công tác phù hợp với công việc đảm nhiệm | Có trình độ chuyên môn và thời gian công tác phù hợp với công việc đảm nhiệm | Có trình độ chuyên môn và thời gian công tác phù hợp với công việc đảm nhiệm | 15 |
| 2.3 | Số người có chuyên môn phù hợp | 20 | 15 | 05 | 15 |
| > 20 | > 15 | > 05 | 16÷25(5) |
| 2.4 | Công nhân kỹ thuật | ≥ 30 | ≥ 20 | ≥ 5 | 10 |
| 2.5 | Quy trình quản lý thực hiện công việc và hệ thống quản lý chất lượng | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | 10 |
| Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | 15 |
| 2.6 | Khả năng huy động máy móc thiết bị chủ yếu | Không đủ khả năng huy động máy móc thiết bị chủ yếu | Không đủ khả năng huy động máy móc thiết bị chủ yếu | Không đủ khả năng huy động máy móc thiết bị chủ yếu | < 10 |
| Có đủ khả năng huy động máy móc thiết bị chủ yếu | Có đủ khả năng huy động máy móc thiết bị chủ yếu | Có đủ khả năng huy động máy móc thiết bị chủ yếu | 10 |
| 2.7 | Số công việc, hợp đồng đã thực hiện | Chưa thực hiện thầu chính thi công ít nhất 1 (một) công trình cấp I hoặc 2 (hai) công trình cấp II cùng loại | Chưa thực hiện thầu chính thi công ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại | Không yêu cầu (không tính điểm) | < 10 |
| Đã thực hiện thầu chính thi công ít nhất 1 (một) công trình cấp I hoặc 2 (hai) công trình cấp II cùng loại | Đã thực hiện thầu chính thi công ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại | Không yêu cầu (không tính điểm) | 10 |
| 2.8 | Tổng điểm | < 80 | < 80 | < 70 | Không đạt |
| 80÷100 | 80÷100 | 70÷100 | Đạt |

**g) Tổ chức tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Tổ chức tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng** | | | |
| **Hạng I** | **Hạng II** | **Hạng III** | **Đánh giá** |
| **I** | **TIÊU CHÍ "ĐẠT" - "KHÔNG ĐẠT"** | | | | |
| 1.1 | Số người có chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá | ≥ 05 | ≥ 03 | ≥ 03 | Đạt |
| < 05 | < 03 | < 03 | Không đạt |
| 1.2 | Số người có chuyên môn phù hợp | ≥ 15 | ≥ 10 | ≥ 05 | Đạt |
| < 15 | < 10 | < 05 | Không đạt |
| 1.3 | Quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng | Có | Có | Có | Đạt |
| Không | Không | Không | Không đạt |
| **II** | **TIÊU CHÍ VỀ ĐIỂM SỐ** | | | | **Điểm** |
| 2.1 | Số lượng cán bộ chủ chốt | 05 | 03 | 03 | 40 |
| ≥ 05 | ≥ 03 | ≥ 03 | 41÷50(2) |
| 2.2 | Số người có chuyên môn phù hợp | 15 | 10 | 05 | 15 |
| > 15 | > 10 | > 05 | 16÷20(1) |
| 2.3 | Quy trình quản lý thực hiện công việc và hệ thống quản lý chất lượng | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | Có quy trình phù hợp với nội dung công việc thực hiện | 15 |
| Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | Quy trình chi tiết, rõ ràng; có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 | 20 |
| 2.4 | Số công việc, hợp đồng đã thực hiện | Chưa thực hiện quản lý chi phí ít nhất 2 (hai) dự án nhóm A hoặc 5 (năm) dự án nhóm B | Không yêu cầu (không tính điểm) | Không yêu cầu (không tính điểm) | < 10 |
| Đã thực hiện quản lý chi phí ít nhất 2 (hai) dự án nhóm A hoặc 5 (năm) dự án nhóm B | Không yêu cầu (không tính điểm) | Không yêu cầu (không tính điểm) | 10 |
| 2.5 | Tổng điểm | < 80 | < 70 | < 70 | Không đạt |
| 80÷100 | 70÷100 | 70÷100 | Đạt |

***Ghi chú:***

(1) Mỗi người nhiều hơn được cộng thêm 01 điểm nhưng tổng điểm không quá 50.

(2) Mỗi người nhiều hơn được cộng thêm 01 điểm nhưng tổng điểm không quá 20.

(3) Mỗi người nhiều hơn được cộng thêm 01 điểm nhưng tổng điểm không quá 70.

(4) Mỗi người nhiều hơn được cộng thêm 01 điểm nhưng tổng điểm không quá 15.

(5) Mỗi người nhiều hơn được cộng thêm 01 điểm nhưng tổng điểm không quá 25.

- Tổ chức có 01 trong 03 tiêu chí tại mục I không đạt là không đủ điều kiện xét cấp chứng chỉ năng lực.

- Tổ chức được cấp chứng chỉ năng lực khi đạt cả 03 tiêu chí tại mục I và đạt tổng điểm từ 80÷100 (riêng đối với Tổ chức hạng III và tổ chức tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng có tổng điểm từ 70/100).